

Số: *N44*/ QĐ-ĐHDL

Hà Nội, ngày *14* tháng *11* năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc cấp học bổng Khuyến khích học tập bổ sung học kỳ II năm học**  
**2020-2021**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC**

Căn cứ Quyết định số 4010/QĐ-BCT ngày 06/10/2016 của Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HĐT ngày 01/10/2019 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-HĐT ngày 26/08/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-ĐHDL ngày 01/04/2022 về việc ban hành Quy định xét và cấp học bổng tại Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 1006/QĐ-ĐHDL ngày 03/11/2021 về việc giao kế hoạch cấp học bổng cho sinh viên hệ chính quy năm học 2020-2021;

Căn cứ Biên bản số 2011/BB-ĐHDL ngày 07/11/2022 về việc xét học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên học kỳ I năm học 2021-2022 và bổ sung học kỳ II năm học 2020-2021;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác sinh viên.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp học bổng khuyến khích học tập bổ sung học kỳ II năm học 2020 - 2021 cho 53 sinh viên (Có danh sách kèm theo) với tổng số tiền là 443.175.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi ba triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

**Điều 2.** Phòng KHTC phối hợp phòng CTSV để chi trả tiền học bổng KKHT cho sinh viên.

**Điều 3.** Các Trưởng phòng: CTSV, ĐT, KHTC và những sinh viên có tên trong danh sách ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Ph*

**Nơi nhận:**

- Các PHT (để biết);
- Như điều 3;
- Đăng Website;
- Lưu VT, CTSV, Hoàng TT (03).

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Đinh Văn Châu**



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG BỔ SUNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020-2021**

*Kèm theo quyết định số ~~2044~~ /QĐ-ĐHDL ngày 14 tháng 11 năm 2022*

| TT | Mã sinh viên | Họ đệm          | Tên   | Ngày sinh  | Tên lớp học | Điểm TB<br>tính<br>chỉ<br>xét<br>HB | Điểm<br>rèn<br>luyện<br>xét<br>HB | TBC<br>khóa<br>học | Xếp loại<br>nhận<br>học<br>bổng | Số<br>đơn<br>vị<br>học<br>trình<br>đăng<br>ký | Số<br>đơn<br>vị<br>học<br>trình<br>điều<br>kiện | Mức tiền<br>được hưởng<br>sinh viên<br>(ĐVT: VNĐ) | Ký nhận |
|----|--------------|-----------------|-------|------------|-------------|-------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------|
| 1  | 20810420004  | Nguyễn Duy      | Khánh | 27/06/2002 | D15H4       | 3.7                                 | 86                                |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 2  | 20810420006  | Vũ Đức          | Hà    | 09/10/2001 | D15H4       | 3.68                                | 82                                |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 3  | 20810420072  | Đặng Xuân       | Hoan  | 19/04/2002 | D15DCN&DD1  | 3.53                                | 85                                |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 4  | 20810110225  | Nguyễn Như      | Nam   | 10/09/2002 | D15DCN&DD1  | 3.53                                | 85                                |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 5  | 20810420037  | Nguyễn Lê Khánh | Hòa   | 15/05/2002 | D15TDHHTD1  | 3.45                                | 87                                |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 6  | 20810160570  | Nguyễn Văn      | Đức   | 20/02/2001 | D15DCN&DD2  | 3.43                                | 89                                |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 7  | 20810160458  | Nguyễn Ngọc     | Đạt   | 29/08/2002 | D15DCN&DD2  | 3.4                                 | 83                                |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 8  | 20810160520  | Hồ Thị Hương    | Giang | 25/03/2002 | D15H6       | 3.4                                 | 89                                |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 9  | 20810160500  | Đỗ Đức          | Khánh | 16/03/2002 | D15DCN&DD2  | 3.4                                 | 89                                |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 10 | 20810420077  | Cao Anh         | Minh  | 18/05/1997 | D15DCN&DD1  | 3.38                                | 80                                |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 11 | 20810170416  | Nguyễn Trung    | Hiếu  | 13/05/2002 | D15TDHHTD2  | 3.35                                | 84                                |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 12 | 20810160491  | Đào Khánh       | Duy   | 02/03/2002 | D15H5       | 3.35                                | 89                                |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 13 | 20810160531  | Đỗ Trung        | Hiếu  | 23/06/2002 | D15H6       | 3.35                                | 92                                |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |



| TT | Mã sinh viên | Họ đệm         | Tên    | Ngày sinh  | Tên lớp học | Điểm TB<br>tín chỉ<br>xét HB | Điểm rèn<br>luyện<br>xét HB | TBC<br>khóa<br>học | Xếp loại<br>nhận<br>học<br>bổng | Số<br>đơn<br>vị<br>học<br>trình<br>đăng<br>ký | Số<br>đơn<br>vị<br>học<br>trình<br>điều<br>kiện | Mức tiền<br>được hưởng<br>sinh viên<br>(ĐVT: VNĐ) | Ký nhận |
|----|--------------|----------------|--------|------------|-------------|------------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------|
| 14 | 20810160469  | Nguyễn Hoàng   | Phúc   | 27/11/2002 | D15H2       | 3.35                         | 82                          |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 15 | 20810420031  | Hồ Hữu         | Nguyên | 12/11/2000 | D15H4       | 3.35                         | 85                          |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 16 | 20810420114  | Trần Tiến      | Đức    | 10/11/2002 | D15TDHHTD1  | 3.35                         | 85                          |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 17 | 20810160507  | Nguyễn Xuân    | Chúc   | 11/06/2002 | D15H2       | 3.33                         | 93                          |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 18 | 20810160455  | Lưu Hữu        | Huy    | 12/08/2002 | D15DCN&DD2  | 3.33                         | 80                          |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 19 | 20810420009  | Nguyễn Quang   | Hiệu   | 18/05/2002 | D15H4       | 3.28                         | 84                          |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 20 | 20810420039  | Phạm Bùi Quỳnh | Anh    | 28/06/2002 | D15H4       | 3.28                         | 85                          |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 21 | 20810420113  | Lê Tiến        | Đức    | 11/12/2002 | D15H5       | 3.25                         | 85                          |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 22 | 20810160556  | Nguyễn Văn     | Khánh  | 07/03/2002 | D15TDHHTD1  | 3.23                         | 85                          |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 23 | 20810420120  | Phùng Đức      | Chiều  | 12/08/2002 | D15DCN&DD1  | 3.23                         | 84                          |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 24 | 20810420107  | Hoàng Tiến     | Mạnh   | 22/04/2002 | D15H5       | 3.2                          | 85                          |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 25 | 20810170410  | Nguyễn Trọng   | Hiếu   | 06/07/2002 | D15H6       | 3.2                          | 91                          |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 26 | 20810110198  | Đặng Mạnh      | Hưng   | 16/10/2002 | D15H2       | 3.2                          | 88                          |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 27 | 20810110286  | Nguyễn Trung   | Hiếu   | 14/09/2002 | D15H3       | 3.2                          | 91                          |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 28 | 20810160423  | Nguyễn Hữu     | Hải    | 29/10/2002 | D15H1       | 3.2                          | 85                          |                    | Giỏi                            | 20                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 29 | 20810420105  | Vô Thị Kim     | Chi    | 31/01/2002 | D15H5       | 3.18                         | 89                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |



| TT | Mã sinh viên | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Tên lớp học | Điểm TB<br>tín chỉ<br>xét HB | Điểm rèn<br>luyện<br>xét HB | TBC<br>khóa<br>học | Xếp loại<br>nhận<br>học<br>bổng | Số<br>đơn<br>vị<br>học<br>trình<br>đăng<br>ký | Số<br>đơn<br>vị<br>học<br>trình<br>điều<br>kiện | Mức tiền<br>được hưởng<br>sinh viên<br>(ĐVT: VNĐ) | Ký nhận |
|----|--------------|-----------------|--------|------------|-------------|------------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------|
| 30 | 20810160470  | Lê Đức          | Vinh   | 25/08/2002 | D15DCN&DD2  | 3.15                         | 85                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 31 | 20810110284  | Nguyễn Thanh    | Long   | 16/02/2002 | D15H3       | 3.15                         | 89                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 32 | 20810170361  | Lê Văn          | Điền   | 08/11/2001 | D15TDHHTD1  | 3.1                          | 79                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 33 | 20810160460  | Phùng Quang     | Minh   | 26/03/2002 | D15H6       | 3.1                          | 86                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 34 | 20810160532  | Vũ Chiến        | Thắng  | 30/04/2002 | D15H2       | 3.1                          | 89                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 35 | 20810170327  | Nguyễn Hàn Sinh | Long   | 02/05/2002 | D15H6       | 3.08                         | 86                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 36 | 20810110200  | Phạm Tùng       | Anh    | 19/09/2002 | D15H2       | 3.05                         | 82                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 37 | 20810420097  | Trần Quang      | Linh   | 04/04/2002 | D15H5       | 3.05                         | 85                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 38 | 20810110170  | Thái Xuân       | Việt   | 29/05/2002 | D15H1       | 3.03                         | 85                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 39 | 20810170364  | Dương Đức       | Hoàng  | 11/03/2002 | D15DCN&DD2  | 3.03                         | 85                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 40 | 20810160438  | Nguyễn Ngọc     | Anh    | 14/02/2002 | D15TDHHTD2  | 2.98                         | 86                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 41 | 20810420019  | Lê Minh         | Ánh    | 19/07/2002 | D15H4       | 2.98                         | 82                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 42 | 20810110290  | Nguyễn Văn      | Lâm    | 14/10/2002 | D15H3       | 2.95                         | 81                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 43 | 20810160425  | Nguyễn Văn      | Quang  | 03/10/2002 | D15DCN&DD2  | 2.93                         | 86                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 44 | 20810160462  | Đặng Nhật       | Minh   | 16/04/2002 | D15H2       | 2.93                         | 96                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 45 | 20810110265  | Lê Đình         | Phương | 27/12/2002 | D15H3       | 2.9                          | 85                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |



| TT               | Mã sinh viên | Họ đệm          | Tên  | Ngày sinh  | Tên lớp học  | Điểm TB<br>tín chỉ<br>xét HB | Điểm rèn<br>luyện<br>xét HB | TBC<br>khóa<br>học | Xếp loại<br>nhận<br>học<br>bổng | Số<br>đơn<br>vị<br>học<br>trình<br>đăng<br>ký | Số<br>đơn<br>vị<br>học<br>trình<br>điều<br>kiện | Mức tiền<br>được hưởng<br>sinh viên<br>(ĐVT: VNĐ) | Ký nhận |
|------------------|--------------|-----------------|------|------------|--------------|------------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------|
| 46               | 20810110300  | Lục Nguyễn Tiến | Bộ   | 16/11/2002 | D15H3        | 2.9                          | 85                          |                    | Khá                             | 20                                            | 20                                              | 7,975,000                                         |         |
| 47               | 18810230033  | Vũ Hùng         | Mạnh | 19/09/2000 | D13LOGISTICS | 3.78                         | 82                          |                    | Giỏi                            | 18                                            | 20                                              | 8,525,000                                         |         |
| 48               | 18810230031  | Trần Thị Thanh  | Vân  | 24/08/2000 | D13LOGISTICS | 3.74                         | 85                          |                    | Giỏi                            | 18                                            | 23                                              | 8,525,000                                         |         |
| 49               | 18810230050  | Trần Thu        | Hiền | 14/12/2000 | D13LOGISTICS | 3.64                         | 92                          |                    | Xuất sắc                        | 18                                            | 18                                              | 9,125,000                                         |         |
| 50               | 18810230026  | Lã Quang        | Ngọc | 29/09/2000 | D13LOGISTICS | 3.56                         | 86                          |                    | Giỏi                            | 18                                            | 18                                              | 8,525,000                                         |         |
| 51               | 18810210020  | Hà Huyền        | Nga  | 16/08/2000 | D13QLNL      | 4                            | 93                          |                    | Xuất sắc                        | 16                                            | 16                                              | 9,125,000                                         |         |
| 52               | 18810210003  | Dương Thị Ngọc  | Anh  | 01/10/2000 | D13QLNL      | 3.63                         | 92                          |                    | Xuất sắc                        | 16                                            | 16                                              | 9,125,000                                         |         |
| 53               | 19819110008  | Lương Thùy      | Liên | 13/03/2001 | D14NHIT      | 2.79                         | 88                          |                    | Khá                             | 14                                            | 17                                              | 7,975,000                                         |         |
| <b>Tổng tiền</b> |              |                 |      |            |              |                              |                             |                    |                                 |                                               |                                                 | <b>443,175,000</b>                                |         |



Q. Hiệu trưởng

Đinh Văn Châu

Phòng KHTC

Nguyễn Đàm Minh Thông

Phòng CTSV

Nguyễn Tiến Thành

Người lập biểu

Trịnh Thị Hoàng

